

AN EVALUATION ON THE USE OF STUDENT ASSISTANTS IN CLASS MANAGEMENT OF ENGLISH PREPARATORY PROGRAMS AT INTERNATIONAL SCHOOL - VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

Pham Thi Tuyet Mai

International School - Vietnam National University, Hanoi

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 18/6/2022 Revised: 22/8/2022 Published: 22/8/2022	The use of teaching assistants in English classes at educational institutions has become a popular method to assist teachers and lecturers in class management to help improve the quality of English teaching and learning. However, the use of student teaching assistants at universities is still a new thing and only a few schools have applied it, including the Faculty of Applied Linguistics of International School – Vietnam National University, Hanoi. To evaluate the effectiveness of using student assistants, the study used case study by interviewing head lecturers and surveying students of the English preparatory program with about the jobs that student assistants undertake. The results show that the most effective work is monitoring and management of students' attendance and contacting and answering students' questions outside class time. The research has also made some suggestions for lecturers and the faculty to build a more effective model of student teaching assistants at International School - Vietnam National University, Hanoi in the coming years.
KEYWORDS	
Teaching assistants	
Student teaching assistants	
Head lecturers	
English preparatory program	
Class management	

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA VIỆC SỬ DỤNG TRỢ GIẢNG SINH VIÊN TRONG QUẢN LÝ CÁC LỚP HỌC THUỘC CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ TIẾNG ANH TẠI TRƯỜNG QUỐC TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Phạm Thị Tuyết Mai

Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 18/6/2022 Ngày hoàn thiện: 22/8/2022 Ngày đăng: 22/8/2022	Từ lâu, việc sử dụng trợ giảng trong các lớp học tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục đã trở thành một phương pháp phổ biến nhằm hỗ trợ giáo viên, giảng viên trong việc quản lý lớp giúp tăng cường chất lượng dạy và học tiếng Anh. Tuy nhiên, việc sử dụng trợ giảng sinh viên tại các trường Đại học còn là một điều mới mẻ và mới chỉ có một số trường áp dụng, trong đó có Khoa Ngôn ngữ ứng dụng của trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội. Để đánh giá hiệu quả của việc sử dụng trợ giảng sinh viên, nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nghiên cứu tình huống bằng cách phỏng vấn giảng viên chủ nhiệm và khảo sát sinh viên các lớp thuộc chương trình Dự bị tiếng Anh về các công việc mà trợ giảng sinh viên đảm nhận. Kết quả cho thấy đạt hiệu quả cao là việc theo dõi và quản lý chuyên cần của sinh viên và giải đáp thắc mắc của sinh viên ngoài giờ học. Từ đó nghiên cứu cũng đưa ra một số đề xuất cho giảng viên chủ nhiệm và Khoa nhằm xây dựng mô hình sinh viên trợ giảng hiệu quả hơn tại trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội trong các năm học tới.
TỪ KHÓA	
Trợ giảng	
Trợ giảng sinh viên	
Giảng viên chủ nhiệm	
Chương trình tiếng Anh dự bị	
Quản lý lớp học	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.6193>

Email: maiptht@isvnu.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

1. Đặt vấn đề

Việc sử dụng trợ giảng là sinh viên tốt nghiệp đã được áp dụng khá rộng rãi trong các cơ sở giáo dục. Sinh viên đã tốt nghiệp, với những trải nghiệm thực tế của bản thân trong quá trình học, sẽ hiểu được tâm lý của sinh viên đồng thời cũng có đủ kiến thức, kỹ năng để hỗ trợ giáo viên trong các hoạt động của lớp. Phương pháp này cũng đã được Sargent, L. D. và cộng sự (2009) khẳng định hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng dạy và học [1]. Tuy nhiên, việc thuê trợ giảng sinh viên sau đại học làm công tác trợ giảng gặp nhiều khó khăn, trong đó việc thiếu nguồn tài chính hỗ trợ cho cán bộ trợ giảng là một vấn đề chính [2] [3]. Trong bối cảnh đó, việc sử dụng sinh viên đang theo học tại trường làm công tác trợ giảng là một giải pháp. Việc sử dụng trợ giảng sinh viên (TGSV) đã và đang đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong các trường đại học trong các thập kỉ gần đây [4]. Việc sử dụng TGSV là một biện pháp tiết kiệm chi phí, và chi phí thuê TGSV có thể chỉ bằng 1/10 chi phí cho trợ giảng đã ra trường [5].

Mô hình trợ TGSV được chứng minh là mang lại lợi ích cho cả TGSV và sinh viên được trợ giảng [6]. Những thuận lợi do mô hình đem lại cho chính bản thân sinh viên trợ giảng (SVTG) như nâng cao kỹ năng giao tiếp, hiểu biết sâu hơn về môn trợ giảng; thuận lợi cho các giảng viên trong quá trình áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực; thuận lợi cho các sinh viên được hỗ trợ cả trong và ngoài lớp học; đặc biệt với những học phần có sĩ số sinh viên lớn [7] [8]. Ngoài ra, theo James, C. và cộng sự (2013), SVTG sẽ thân thiện nhiều hơn với sinh viên so với giảng viên hay cán bộ trợ giảng, SVTG cũng hỗ trợ sinh viên ngoài lớp học trong việc tư vấn ngành nghề và SVTG cũng là một nguồn để đáp ứng nhiều câu hỏi trong lớp học [9].

Tại Trường Quốc tế, ĐHQGHN, mô hình trợ giảng sinh viên đã được bắt đầu vào năm học 2020-2021 và bước đầu mang lại kết quả tích cực trong việc quản lý các lớp học dự bị tiếng Anh.

2. Mô hình trợ giảng tại chương trình tiếng Anh dự bị, trường Quốc tế - ĐHQGHN

2.1. Chương trình tiếng Anh dự bị

Chương trình tiếng Anh dự bị (TADB) là chương trình đào tạo ngoại ngữ đặc thù do khoa Ngôn ngữ ứng dụng (NNUD), trường Quốc tế phụ trách thiết kế và triển khai. Chương trình được tổ chức nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ là tiếng Anh để có đủ điều kiện theo học các chương trình đại học bằng tiếng nước ngoài theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam. Mục tiêu của chương trình TADB là sau khi kết thúc chương trình đào tạo gồm 5 cấp độ, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo khung Tham chiếu chung về ngoại ngữ của châu Âu (CEFR).

Vào đầu năm học, sinh viên được làm bài thi kiểm tra trình độ đầu vào, căn cứ vào kết quả bài thi này, sinh viên được xếp vào cấp độ phù hợp. Ở mỗi cấp độ, sinh viên sẽ được học 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết theo mức độ từ dễ đến khó. Trong đó, 3 kỹ năng nghe, đọc, viết do giáo viên Việt Nam giảng dạy, riêng kỹ năng nói do giáo viên người nước ngoài phụ trách.

Với mỗi cấp độ, sinh viên làm các bài kiểm tra thường xuyên, bài thi giữa kỳ và bài thi cuối cấp độ. Điểm của các bài thi này kết hợp với điểm chuyên cần có tính quyết định tới việc sinh viên có vượt qua mỗi cấp độ hay không. Ngoài ra, để đảm bảo tính linh hoạt và tạo điều kiện tối đa cho sinh viên, chương trình cho phép sinh viên có đủ điều kiện thi vượt cấp độ.

Các giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đều qua tuyển chọn, sàng lọc kỹ lưỡng, có kinh nghiệm, nghiệp vụ sư phạm tốt, đã gắn bó và am hiểu về sinh viên Trường Quốc tế để đưa ra phương pháp giảng dạy linh hoạt với từng nhóm đối tượng sinh viên. Giảng viên chương trình TADB nhận thức rõ tầm quan trọng của giai đoạn chuẩn bị cho sinh viên trước khi bước vào chương trình đại học, đồng thời nắm rõ vai trò của mình trong việc cung cấp kiến thức cũng như tạo động lực cho sinh viên trong mỗi giờ học. Vì vậy, giảng viên, đặc biệt là giảng viên chủ nhiệm (GVCN) của mỗi lớp, luôn gần gũi, thân thiện với sinh viên để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của các em đối với chương trình nói chung và từng kỹ năng nói riêng; từ đó tìm ra phương pháp phù hợp với từng lớp.

Từ năm học 2020-2021, chương trình TADB có thêm mô hình TGSV với mục đích hỗ trợ giáo viên trong công tác chủ nhiệm lớp và tham gia trợ giúp giáo viên chủ nhiệm một số công

việc chuyên môn như quá trình quản lý chuyên cần của sinh viên, giúp đỡ các sinh viên khi chưa hiểu bài, kiểm tra bài cũ, thiết kế bài luyện tập thêm hoặc giải đáp thắc mắc của sinh viên trong quá trình học ngoại ngữ.

2.2. Quá trình lựa chọn sinh viên trợ giảng

Các SVTG cho chương trình TADB được tuyển chọn kỹ càng qua các bước.

Trước tiên, Khoa NNUD xây dựng bộ tiêu chí tuyển chọn SVTG và đăng trên các kênh thông tin chính thống của nhà trường (Website của Trường, Fanpage của Khoa NNUD, Văn phòng Khoa NNUD), cụ thể như trong bảng 1.

Bảng 1. Các tiêu chí lựa chọn SVTG

STT	Tiêu chí
1	Đã có chứng chỉ tiếng Anh tương đương Bậc 4 theo khung Tham chiếu chung về ngoại ngữ của châu Âu (CEFR).
2	Có kinh nghiệm liên quan đến giảng dạy (Ưu tiên các sinh viên đã từng làm trợ giảng, gia sư hoặc chủ nhiệm các câu lạc bộ học thuật)
3	Có kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian tốt
4	Nhiệt tình với công việc
5	Có trách nhiệm với công việc

Sau đó, TGSV đăng ký qua văn phòng Khoa Ngôn ngữ ứng dụng hoặc link tuyển chọn trên trang Website của nhà trường, nêu rõ trình độ cũng như kinh nghiệm học và hỗ trợ ngoại ngữ của mình.

Sau khi được tuyển, TGSV tham gia khóa đào tạo về các công việc sẽ đảm nhận. Các công việc đó được liệt kê trong bảng 2:

Bảng 2. Các công việc của SVTG

STT	Công việc
1	Theo dõi và quản lý chuyên cần của sinh viên
2	Soạn bài tập bổ trợ
3	Chấm điểm bài tập hàng tuần
4	Tham gia một số giờ học
5	Liên hệ và giải đáp thắc mắc của sinh viên ngoài giờ học
6	Thu thập và tổng kết điểm từ các giáo viên bộ môn

TGSV sẽ được phân cho các GVCN. Các giảng viên phụ trách TGSV đánh giá hiệu quả công việc của trợ giảng sau mỗi cấp độ học theo các đầu việc ở bảng 2.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu tình huống

Bài báo được viết dựa trên kết quả của nghiên cứu tình huống tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN. Việc nghiên cứu tình huống có thể mang lại nhiều thông tin quan trọng về bối cảnh đó là lý do phương pháp này được sử dụng nhằm tìm hiểu hiệu quả của việc sử dụng trợ giảng sinh viên trong các lớp học dự bị tiếng Anh tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN nói riêng.

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là 10 giảng viên trường Quốc tế - Đại học quốc gia Hà Nội là giáo viên chủ nhiệm các lớp tiếng Anh dự bị và 50 sinh viên học ở các lớp dự bị tiếng Anh có TGSV trong năm học 2020-2021 và 2021-2022.

Phương pháp thu thập số liệu

Nguồn dữ liệu cho nghiên cứu được lấy từ kết quả phỏng vấn 10 giảng viên trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội và dữ liệu thu được từ bảng hỏi dành cho 50 sinh viên chương trình dự bị tiếng Anh.

Việc phỏng vấn được tiến hành trực tiếp và được ghi lại bằng máy ghi âm kỹ thuật số.

Câu hỏi phỏng vấn được chia thành 2 nhóm câu hỏi. Phần 1 bao gồm các thông tin cơ bản về

bản thân người được phỏng vấn (Tên, tuổi, giới tính, kinh nghiệm giảng dạy và chủ nhiệm lớp). Phần 2 gồm các câu hỏi tìm hiểu về đánh giá của các đối tượng nghiên cứu về hiệu quả của việc sử dụng sinh viên trợ giảng trong các lớp học dự bị tiếng Anh.

Bảng khảo sát dành cho sinh viên được thiết kế 8 mục liên quan đến các công việc của TGSV để sinh viên đánh giá “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” dựa trên trải nghiệm thực tế của sinh viên.

Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu

Các cuộc phỏng vấn với 10 đối tượng nghiên cứu được ghi lại sau đó được dùng để phân tích mức độ hiệu quả của việc sử dụng sinh viên trợ giảng trong 6 nhóm công việc đã liệt kê ở lớp học dự bị tiếng Anh.

Dữ liệu thu được từ bảng hỏi cho 50 sinh viên được tính ra phần trăm sinh viên đồng ý và không đồng ý với những công việc SVTG đã thực hiện trong thời gian cùng GVCN phụ trách lớp học, từ đó đánh giá được mức độ hài lòng của sinh viên đối với các công việc của SVTG.

Dựa trên mức độ hiệu quả đó, người nghiên cứu đưa ra đề xuất cho GVCN và Khoa để việc sử dụng SVTG đạt hiệu quả cao hơn ở các năm học sau.

4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

4.1.1. Kết quả phỏng vấn giảng viên

Qua việc phỏng vấn 10 giảng viên về hiệu quả của việc sử dụng trợ giảng sinh viên trong 6 nhóm công việc sinh viên trợ giảng tham gia, kết quả nghiên cứu được thể hiện như sau:

a. Theo dõi và quản lý chuyên cần của sinh viên

Theo nhận định của 10/10 giảng viên tham gia phỏng vấn, sinh viên trợ giảng đã đồng hành cùng GVCN khá hiệu quả trong việc quản lý chuyên cần của sinh viên các lớp dự bị tiếng Anh. Trước khi có SVTG, GVCN thường chỉ tổng kết chuyên cần hàng tuần, đôi khi dẫn đến việc liên hệ sinh viên và phụ huynh muộn. Từ khi có SVTG, việc điểm danh và tổng kết chuyên cần hàng ngày được áp dụng, giúp cho GVCN có thể nắm bắt được việc sinh viên vắng mặt kịp thời để tìm hiểu lý do và liên lạc phụ huynh học sinh để phối hợp động viên sinh viên đi học đầy đủ kịp thời.

b. Soạn bài tập bổ trợ

Việc SVTG tham gia soạn bài tập bổ trợ chưa được GVCN đánh giá cao. Cụ thể, 6/10 GV cho rằng việc cho SVTG soạn bài còn làm cho GV mất thời gian hơn và không hiệu quả vì SVTG có rất nhiều câu hỏi về cách thức ra bài, độ khó và độ chính xác của bài tập; do đó, GVCN phải mất nhiều thời gian giải thích, kiểm tra mà kết quả bài soạn vẫn còn nhiều lỗi. Trong khi đó 3/10 GV còn lại mặc dù đồng ý rằng việc hướng dẫn SVTG mất thời gian trong giai đoạn đầu nhưng khi SV đã quen cách làm việc thì sẽ giúp GV giảm được lượng công việc đáng kể. Chỉ có 1 GV cho rằng SVTG là “một giải pháp hoàn hảo trong việc giảm tải việc soạn bài tập bổ trợ hàng ngày cho GV”.

c. Chấm điểm bài tập hàng tuần

Một trong những công việc mà nhiều GV đánh giá cao sự tham gia của SVTG là chấm điểm bài tập hàng tuần. Các GV cho biết phần lớn các bài tập này đều được thiết kế dưới dạng trắc nghiệm để kiểm tra kiến thức sinh viên đã học trong các kỹ năng thực hành tiếng nên việc SVTG chấm điểm không gặp khó khăn gì. Tuy nhiên với các bài viết câu, đoạn văn và bài văn dài, SVTG chưa đủ năng lực và kinh nghiệm để đảm nhận nên GV vẫn đảm nhận chấm cho kỹ năng Viết.

d. Tham gia một số giờ học

Việc tham gia một số giờ học, đặc biệt là giờ học kỹ năng Nói với GV nước ngoài để trợ giúp SV trình độ thấp là một nhiệm vụ của SVTG. Tuy nhiên, theo phản ánh của các GVCN tham gia phỏng vấn, việc này chưa được tiến hành thường xuyên và hiệu quả do SVTG vẫn còn đang đi học và lịch học và thi chuyên ngành khá dày đặc, sinh viên hiếm khi có thể bố trí được thời gian. Các GV cũng nhấn mạnh thêm rằng lịch học chuyên ngành của SVTG thường trùng với lịch học của các lớp Dự bị tiếng Anh, do đó GVCN “không thể bắt SVTG nghỉ học chuyên ngành để tham gia học cùng và trợ giúp SV dự bị”.

e. Liên hệ và giải đáp thắc mắc của sinh viên ngoài giờ học

Hầu hết GVCN khẳng định SVTG đã giúp đỡ GVCN rất nhiều trong việc liên lạc sinh viên ngoài giờ học. Từ khi có SVTG, sinh viên trong lớp thường sẽ liên hệ SVTG về những vấn đề của bản thân (xin phép nghỉ học, xin thông tin của GV bộ môn, hỏi bài tập về nhà, hỏi lịch thi, hỏi thủ tục hành chính...), chỉ trong trường hợp SVTG không nắm được thông tin, SV mới hỏi GVCN. Điều này đã giúp giảm tải được lượng công việc ngoài giờ của GV đáng kể. Tuy nhiên, 3/10 GV cũng cho biết đôi khi SVTG nắm thông tin không chắc dẫn đến việc cung cấp thông tin và tư vấn chưa chính xác. Cuối cùng, GVCN phải là người xử lý và giải trình phòng Đào tạo và Lãnh đạo Khoa.

f. Thu thập và tổng kết điểm từ các giáo viên bộ môn

Việc thu thập và tổng kết điểm từ GV bộ môn được tiến hành sau mỗi bài kiểm tra chính thức và mỗi cuối cấp độ học. Theo đánh giá của 6/10 GV, SVTG chưa chủ động trong các mốc thời gian tổng kết điểm, nguyên nhân chính là SVTG còn bận với lịch học của bản thân nên chưa theo sát được lớp học. Do đó, GVCN thường phải nhắc lịch và giục SVTG liên hệ với GV bộ môn để có thể tổng kết và nộp điểm đúng hạn.

4.1.2. Kết quả bảng khảo sát sinh viên

Bảng khảo sát với 8 tiêu chí đánh giá SVTG đã được phát cho 50 sinh viên các lớp có SVTG để tìm hiểu và đánh giá hiệu quả công việc của SVTG; kết quả thu được thể hiện qua bảng 3.

Bảng 3. Đánh giá của sinh viên

STT	Tiêu chí	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)
1	TGSV có trình độ tiếng Anh tốt	84	16
2	TGSV kiểm tra bài tập thường xuyên	80	20
3	TGSV nhiệt tình giải đáp thắc mắc của SV	90	10
4	TGSV hỗ trợ SV giải quyết các khó khăn trong việc học	64	36
5	TGSV thường xuyên liên lạc với SV	78	22
6	TGSV tham gia lớp học cùng SV	60	40
7	TGSV theo dõi sát sao chuyên cần của lớp	90	18
8	TGSV tham gia các hoạt động ngoại khóa cùng SV	30	70

Kết quả khảo sát sinh viên học các lớp có SVTG cho thấy sinh viên các lớp tiếng Anh dự bị có phản hồi khá tích cực về các công việc SVTG đã đảm nhận. Cụ thể, có 4/8 tiêu chí nhận được sự đồng ý của trên 80% sinh viên, chỉ 1 công việc (tham gia hoạt động ngoại khóa cùng sinh viên) được nhận định chưa được tiến hành thường xuyên và hiệu quả. Ngoài ra, các công việc khác như tham gia lớp học cùng sinh viên, hỗ trợ sinh viên giải quyết các khó khăn trong việc học và thường xuyên liên lạc với sinh viên cũng được từ 60-78% sinh viên đánh giá tốt. Kết quả này cũng khá tương đồng với kết quả phỏng vấn 10 GVCN các lớp dự bị tiếng Anh khi tiêu chí theo dõi chuyên cần và giải đáp thắc mắc của sinh viên được phản hồi rất hiệu quả.

4.2. Bàn luận

Qua kết quả phỏng vấn GVCN và khảo sát sinh viên các lớp học dự bị tiếng Anh tại khoa Ngôn ngữ ứng dụng, Trường Quốc tế - ĐHQGHN có thể thấy mô hình SVTG qua 2 năm áp dụng đã mang lại hiệu quả nhất định đối với các lớp học dự bị tiếng Anh và nhận được phản hồi khá tốt từ giảng viên và sinh viên. Trong quá trình áp dụng mô hình này hiện vẫn có thể gặp phải một vài khó khăn, nguyên nhân chủ yếu là vấn đề quản lý thời gian của SVTG và kinh nghiệm, kỹ năng chuyên môn (chăm bài, soạn bài) của SVTG chưa được hoàn thiện. Tuy nhiên, những trở ngại này sẽ sớm được khắc phục và vượt qua nếu được sự quan tâm và giúp đỡ hơn nữa từ phía khoa và nhà trường, cụ thể như sau:

4.2.1. Đối với giảng viên phụ trách

- Yêu cầu SVTG ký cam kết trách nhiệm trợ giảng;

- Liệt kê danh mục công việc và các mốc thời gian SVTG cần hoàn thiện và yêu cầu SVTG bám sát các mốc thời gian đó;
- Theo dõi và đánh giá công việc của SVTG thường xuyên;
- Hướng dẫn chuyên môn và giám sát các hoạt động chuyên môn như soạn bài, chấm bài để khắc phục những hạn chế về chuyên môn như GVCN đã đề cập đến khi phỏng vấn;
- Điều chỉnh kỳ vọng đối với SVTG kịp thời thông qua ý kiến phản hồi từ sinh viên, đặc biệt về khuyến khích và cam kết việc SVTG tham gia các hoạt động ngoại khóa cùng sinh viên của lớp quản lý.

4.2.2. Đối với Khoa

- Tuyển chọn những SVTG chất lượng đáp ứng được yêu cầu công việc đề ra;
- Tổ chức các buổi tập huấn chuyên môn cho SVTG;
- Giám sát việc phối hợp giữa SVTG và GVCN;
- Duy trì liên lạc với đội ngũ SVTG để nắm bắt và giải quyết các vấn đề phát sinh 1 cách kịp thời;
- Cung cấp danh sách SVTG cho các phòng, ban khác để tạo điều kiện cho SVTG phối hợp hoạt động khi cần.

5. Kết luận

Mô hình SVTG mang lại nhiều lợi ích cho cả sinh viên, giảng viên và nhà trường, được thể hiện qua phỏng vấn giảng viên và khảo sát sinh viên các lớp tiếng Anh dự bị. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc tuyển chọn, tập huấn, quản lý và đánh giá TGSV còn cần điều chỉnh trong thời gian tới để TGSV có thể khắc phục những hạn chế và phát huy hết khả năng của mình. Với các chính sách từ phía Khoa và sự quản lý của GVCN như đã đề xuất ở trên, mô hình TGSV sẽ được áp dụng rộng rãi hơn tới cả các lớp học chuyên ngành và mang lại hiệu quả thực sự.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] L. D. Sargent, B. C. Allen, J. A. Frahm, and G. Morris, "Enhancing the Experience of Student Teams in Large Classes Training Teaching Assistants to be Coaches," *Journal of Management Education*, vol. 33, no. 5, pp. 526-552, 2009.
- [2] P. N. Nguyen, "The model of teaching assistants at UEF - A step in the right direction," *Journal of Development and Integration*, no. 07, pp. 36-38, 2013.
- [3] H. S. Le, "Teaching assistant catalyzes learning for UEF students," *Journal of Development and Integration*, no. 07, pp. 28-29, 2013.
- [4] L. Fingerson and A. B. Culley, "Collaborators in teaching and learning: Undergraduate teaching assistants in the classroom," *Teaching Sociology*, vol. 29, no. 3, pp. 299-315, 2001, doi: 10.2307/1319189.
- [5] R. Goertzen, R. Scherr, and A. Elby, "Accounting for tutorial teaching assistants' buy-in to reform instruction," *Phys Rev Phys Educ Res*, vol. 5, p. 020109, 2009, doi:10.1103/PhysRevSTPER.5.020109.
- [6] E. W. Close, J. Conn, and H. G. Close, "Becoming physics people: Development of integrated physics identity through the Learning Assistant experience," *Phys Rev Phys Educ Res*, vol. 12, p. 010109, 2016, doi:10.1103/PhysRevPhysEducRes.12.010109.
- [7] E. Roberts, J. Lilly, and B. Rollins, "Using undergraduates as teaching assistants in introductory programming courses: An update on the Stanford experience," *ACM SIGCSE Bulletin*, vol. 27, no. 1, pp. 48-52, 1995.
- [8] S. Reges, "Using undergraduates as teaching assistants at a state university," *ACM SIGCSE Bulletin*, vol. 35, no. 1, pp. 103-107, 2003.
- [9] C. James and R. Carrie, "Utilizing Undergraduate Teaching Assistants in Active Learning Environments. Ira A Fulton School of Engineering, Aroizona State University," In HEEAP University Program, 2013.